TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2026/HNGĐ-ST
Ngày 31-7-2026
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Loan và anh Tráng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thuý Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Tiến Đông

Ông Nguyễn Minh Khâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thu Phương - Thư ký viên Toà án nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 170/2026/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị L sinh ngày 08/5/1994; căn cước công dân số 036194020061 cấp ngày 02/7/2021; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã N, tỉnh Ninh Bình.

- *Bị đơn:* anh Vũ Công T, sinh ngày 24/02/1987; căn cước công dân số 036087019728 cấp ngày 17/6/2021; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, tỉnh Ninh Bình.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn Đ, xã N, tỉnh Ninh Bình; (mẹ đẻ anh T).

Tại phiên tòa: Chị L, anh T vắng mặt (đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt), bà T1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Công T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 27/12/2018 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là Ủy

ban nhân dân xã N, tỉnh Ninh Bình). Trước khi đăng ký kết hôn, anh chị có thời gian tìm hiểu nhau. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống bình thường nhưng từ năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân do tính cách không hợp, quan điểm sống khác nhau, từ mâu thuẫn vợ chồng dần chuyển sang mâu thuẫn với gia đình chồng. Từ tháng 12 năm 2023 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không liên hệ hỏi thăm, quan tâm nhau và không còn tình cảm với nhau. Nay chị xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Vũ Công T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Vũ Hoàng A, sinh ngày 17/10/2011. Từ tháng 12/2023 do mâu thuẫn chị ly thân với anh T, từ đó cháu Hoàng A sống cùng anh T và ông bà nội. Nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu Hoàng A cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng 02 triệu/tháng đến khi con chung thành niên.

Tại bản tự khai 06/7/2026, chị L đề nghị được nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Sau đó chị L lại thay đổi ý kiến đề nghị Tòa án giao cháu Vũ Hoàng A cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng và chị sẽ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung theo khả năng của mình.

Về tài sản và công nợ chung: Chị xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh Vũ Công T trình bày:

Anh xác nhận việc đăng ký kết hôn, thời gian chung sống và việc anh chị sống ly thân như chị L trình bày là đúng. Theo anh T nguyên nhân vợ chồng ly thân là do chị L cãi nhau với gia đình chồng và bỏ đi, từ đó đến nay cả hai không hỏi thăm, quan tâm nhau. Nay chị L đề nghị ly hôn anh T không nhất trí vì anh T muốn hàn gắn để vợ chồng cùng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Trường hợp chị L nhất quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung, anh và chị L có 01 con chung là Vũ Hoàng A, sinh ngày 17/10/2011 hiện đang ở cùng anh. Tại bản tự khai 09/7/2026 anh đề nghị Tòa án giao cháu Hoàng A cho chị L nuôi dưỡng vì cho rằng chị L có điều kiện chăm sóc con chung. Sau đó anh suy nghĩ lại và đề nghị Tòa án giao con cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng vì từ khi vợ chồng ly thân con chung ở cùng anh, anh có đủ điều kiện nuôi con, thu nhập anh cao hơn chị L, thời gian chăm sóc cho con chung của anh cũng nhiều hơn chị L. Từ nhỏ đến nay cháu Hoàng A bị bệnh, việc nuôi dưỡng và điều trị cho cháu Hoàng A chủ yếu do anh và bố mẹ anh chăm lo. Do đó anh đề nghị Tòa án giao cháu Hoàng A cho anh tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng, anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng, anh và chị L sẽ thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con theo khả năng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh T xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị T1 là mẹ đẻ của anh T trình bày: Anh T và chị L có đăng ký kết hôn, nay giữa chị L và anh T mâu thuẫn bà không nắm rõ nhưng từ khi anh T và chị L ly thân, cháu Hoàng A ở cùng anh T và với vợ chồng bà. Chị L thường xuyên đi làm tăng ca nên việc chăm sóc, đưa đón, hỗ trợ cháu Hoàng A khám chữa bệnh do vợ chồng bà và anh T từ nhỏ đến nay. Trường hợp anh T và chị L ly hôn, nếu Tòa án giao con chung cho anh T nuôi dưỡng thì ông bà vẫn tiếp tục hỗ trợ anh T đưa đón, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án khi nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L; xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Công T. Về con chung, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là Vũ Hoàng A, sinh ngày 17/10/2011 cho anh Vũ Công T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận. Về tài sản và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Án phí dân sự sơ thẩm, đương sự phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn đối với anh Vũ Công T. Tại thời điểm thụ lý vụ án, anh Vũ Công T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại xóm Đ, xã N, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – tỉnh Ninh Bình.

Chị L và anh T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị L và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 27/12/2018 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Ninh Bình). Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét về mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì giữa chị L và anh T phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng chị L và anh T bất đồng về quan điểm sống và tính cách. Vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm gì đến nhau. Theo anh T do chị L mâu thuẫn với gia đình bố mẹ anh và đã bỏ đi. Bản thân anh T xác định vơ chồng chưa mâu thuẫn trầm trọng và đề nghị Tòa án hòa giải vợ chồng hàn gắn cùng chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên trong thời gian sống ly thân anh T cũng như chị L không còn quan tâm nhau, không có biện pháp nào thiết thực nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị L đề nghị không tiến hành hòa giải và kiên quyết đề nghị được ly hôn anh T. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị L không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Vũ Công T.

[2.2] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:

Chị L và anh T xác nhận có 01 con chung là Vũ Hoàng A, sinh ngày 17/10/2021; từ nhỏ đến nay cháu Hoàng A sống cùng bố mẹ và ông bà nội. Từ khi anh chị sống ly thân thì anh T và ông bà nội trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Xét trình bày của nguyên đơn và điều kiện sức khỏe của con chung cần sự chăm sóc, điều trị lâu dài và ổn định và việc anh T có điều kiện nuôi dưỡng thuận lợi hơn chị L. Xét trình bày của bị đơn về việc tự nguyện đồng ý giao con chung cho anh T nuôi dưỡng. Trên cơ sở xem xét điều kiện kinh tế và hoàn cảnh của các bên, để bảo đảm quyền lợi chính đáng và sự phát triển về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Giao con chung Vũ Hoàng A cho anh T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên. Anh T không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con. Chị L và anh T tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con theo khả năng của chị L. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

[2.3] Về tài sản chung và công nợ chung:

Các đương sự đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án:

1. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Công T.

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Vũ Hoàng A sinh ngày 17/10/2021 cho anh Vũ Công T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Chị L và anh T tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của anh T.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001967 ngày 17 tháng 6 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Chị L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Công T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND + VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 9 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Nam Ninh, Ninh Bình;
- Các đương sự;

- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

Phạm Thuý Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Tiến Đông Nguyễn Minh K